

Số: /GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại xã Yên Mỹ và xã Công Bình, huyện Nông Cống (giai đoạn 1: Chăn nuôi bò sữa quy mô 10.000 con; Nhà máy chế biến sữa công suất 72 tấn sữa/ngày) của Công ty TNHH Hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ (Công ty bò sữa Yên Mỹ);

Căn cứ giấy phép môi trường số 166/GP-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá về cấp giấy phép môi trường cho dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp (quy mô 5.000 con bò sữa);

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 0201014001 chứng nhận lần đầu ngày 15/9/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 01/9/2024 của Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 302/2024/CV-THYM ngày 13/12/2024 và Công văn số 46/2025/CV-THYM ngày 03/3/2025 của Công ty TNHH Hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ về chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp lại giấy phép môi trường cho dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp (quy mô 10.000 con bò sữa);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 21/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 3 năm 2025.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ; địa chỉ: Thôn Lâm Hòa, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp giai đoạn 1 (quy mô 10.000 con bò sữa) tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp (quy mô 10.000 con bò sữa).

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Lâm Hòa, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên có mã số doanh nghiệp 2800105220 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần thứ 1, ngày 30/6/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 16/8/2024.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 2800105220.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích toàn bộ khu vực cơ sở: 945.292,58 m<sup>2</sup>.

- Công suất: 10.000 con bò sữa.

- Quy trình chăn nuôi: Bò giống → Nuôi cách ly → Bò tơ, bò nhỡ, bò hậu bị → Bò cái mang thai → Bò đẻ → Bò mẹ cho vắt sữa → Sữa nguyên liệu.

### **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH Hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 30 tháng 3 năm 2025 đến ngày 30 tháng 3 năm 2032).

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Giấy phép số 166/GP-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Nông Cống và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Hai thành viên ứng dụng CNC nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để theo dõi);
- UBND các huyện: Nông Cống, Như Thanh (để theo dõi);
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**PHỤ LỤC 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. NỘI DUNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

1.1. Nguồn số 01: Nước thải chăn nuôi (từ khu chuồng nuôi C, khu chuồng nuôi H, khu chuồng tắm bò, khu chuồng CL) có lưu lượng 1.461 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (gồm nước tiểu bò; nước rửa máng ăn uống; nước tắm cho bò).

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh của các khu vực: khu văn phòng, khu nhà trung tâm thức ăn, khu nhà điều hành trạm xử lý nước thải, nhà văn phòng của khu tách phân, khu vệ sinh chung, khu nhà bảo vệ, văn phòng làm việc của khu chuồng CL) có lưu lượng 29 m<sup>3</sup>/ngày.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải từ các công đoạn khác (từ khu ủ chua thức ăn; máy ép tách bùn của trạm xử lý nước thải tập trung; phun xịt khử khuẩn phương tiện ra vào trang trại; xử lý khí thải lò đốt xác bò và nhau thai) có lưu lượng 9 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép được thải ra Khe Cát đoạn cuối thôn Tân Xuân, đầu thôn Tân Tiến, xã Yên Lạc, huyện Như Thanh (điểm tiếp giáp thôn Phú Đa, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống).

**2.2. Vị trí xả thải:**

- 01 dòng nước thải (xử lý nước thải từ nguồn số 01 đến nguồn số 3) sau khi xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung được dẫn theo đường ống kín DN 160 ra Khe Cát đoạn cuối thôn Tân Xuân, đầu thôn Tân Tiến. Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>): X = 566548; Y = 2158384.

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.3. Lưu lượng xả thải:**

Lưu lượng xả thải lớn nhất 1.499 m<sup>3</sup>/ngày đêm (khi Công ty không sử dụng nước thải sau xử lý tưới cho cây trồng), lưu lượng xả thải 499 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (khi Công ty tái sử dụng nước thải sau xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng).

2.3.1. Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý tại bể khử trùng được quan trắc tự động, liên tục trước khi dẫn theo đường ống DN160, chiều dài tuyến ống 6,7 km chôn ngầm -1m dẫn ra Khe Cát đoạn cuối thôn Tân Xuân, đầu thôn Tân Tiến.

2.3.2. Phương thức tái sử dụng nước tưới cho cây trồng: Nước thải sau xử lý tại ngăn Selector được bơm theo tuyến ống hoặc bơm vào xe bồn chuyên dụng để cấp cho hoạt động tưới cây trồng theo vùng tưới được quy hoạch tại Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án phát triển vùng nguyên liệu cho dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống đến năm 2025.

2.3.3. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.4. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B ( $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 0,9$ ), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Định kỳ 3 tháng/lần	Thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	81		
3	COD	mg/l	243		
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	121,5		
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	121,5		
6	Coliform	MPN/100ml	5.000		

2.3.5. Chất lượng nước thải chăn nuôi được tái sử dụng cho hoạt động tưới cây trồng phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng kèm theo Thông tư số 28/2022/TT-BNNPTNT, cụ thể như sau:

<b>T</b>	<b>Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép QCVN 01-95:2022/ BNN&amp;PTNT</b>	<b>Loại cây trồng được sử dụng</b>
1	pH	-	5,5- 9	Các loại cây trồng
2	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	≤ 600	
3	Asen (As)	mg/l	≤ 0,1	
4	Cadimi (Cd)	mg/l	≤ 0,01	
5	Crom tổng số (Cr)	mg/l	≤ 0,5	
6	Thủy ngân (Hg)	mg/l	≤ 0,002	
7	Chì (Pb)	mg/l	≤ 0,05	
8	Ecoli	MPN/100ml	≤ 200	Các loại cây trồng
			> 200 - 1000	Các loại cây trồng trừ cây rau, cây dược liệu hàng năm
			> 1000 - 5000	Cây lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày không sử dụng làm thực phẩm, thức ăn cho vật nuôi
			> 5000	Không được sử dụng cho các loại cây trồng

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh về trạm xử lý nước thải tập trung:

1.1.1. Nước thải chăn nuôi (nguồn số 01) được gạt vào hồ thu phân kín bằng máy gạt chuyên dụng từ đó dẫn theo đường ống kín HDPE D160 và D600 về hệ thống tách phân. Nước thải sau tách phân được bơm vào đường ống thu gom HDPE D160 về Trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

1.1.2. Nước thải sinh hoạt (nguồn số 02) trong đó: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại (12 bể tự hoại 03 ngăn); nước thải từ khu nhà ăn được xử lý sơ bộ qua 01 bể tách dầu mỡ và nước từ rửa tay chân được thu gom vào đường ống HDPE D160 về Trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

1.1.3. Nước thải từ nguồn khác (nguồn số 03) được thu gom vào đường ống HDPE D160 sau đó bơm dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý. Riêng nước thải từ ép bùn được tuần hoàn về mương oxy hóa để tiếp tục xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### 1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn (01 bể thể tích 4 m<sup>3</sup> bố trí tại khu nhà ăn; 02 bể thể tích 9 m<sup>3</sup>/bể bố trí tại văn phòng điều hành; 01 bể thể tích 4 m<sup>3</sup> và 01 bể thể tích 8 m<sup>3</sup> bố trí tại nhà bảo trì, gara; 01 bể thể tích 9 m<sup>3</sup> bố trí tại khu phun xịt; 01 bể thể tích 4 m<sup>3</sup> bố trí tại khu cầu cân; 01 bể thể tích 9 m<sup>3</sup> bố trí tại khu văn phòng FC; 01 bể thể tích 4 m<sup>3</sup> bố trí tại khu xử lý nước thải; 01 bể thể tích 9 m<sup>3</sup> bố trí tại khu văn phòng MP; 01 bể thể tích 4 m<sup>3</sup> bố trí khu văn phòng tách phân; 01 bể thể tích 9 m<sup>3</sup> bố trí tại khu bệnh viện bò) → thu gom bằng tuyến ống D160 dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nước thải nhà ăn ở khu văn phòng → 01 bể tách dầu mỡ thể tích 6 m<sup>3</sup> → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải chăn nuôi:

- *Hệ thống tách chất rắn và tái tạo nền chuồng BRU tại khu tách phân:*

+ Toàn bộ nước thải từ các nguồn phát sinh được thu gom về hệ tách phân trước khi dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Lắng cát → Máy tách rác → Hồ thu phân tổng → Máy tách phân → Phân bò sau tách → Hệ thống BRU 2000.

↓

Nước thải → Hồ gom sau tách phân → Trạm xử lý nước thải tập trung.

- *Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm:*

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải tại hồ gom sau tách phân → Hồ điều hòa → Bể kỵ khí tiếp xúc → Bể tách khí → Bể lắng bùn kỵ khí → Ngăn Selector → Một phần tái sử dụng tưới cỏ (1).

↓



Mương oxy hóa → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Đường ống dẫn nước thải → Khe Cát (2).

1): Nước thải sau xử lý tại ngăn Selector đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, được tái sử dụng tưới cho cây trồng.

(2): Nước thải sau bể khử trùng xử lý đạt QCVN 62:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B,  $Kq = 0,9$ ;  $Kf = 0,9$ ) được xả ra Khe Cát đoạn cuối thôn Tân Xuân, đầu thôn Tân Tiến, xã Yên Lạc, huyện Như Thanh.

+ Hóa chất sử dụng: PAC 30%, Polymer, NaOCl 10% (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.4 và Mục 2.3.5 phần A Phụ lục này).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại đầu ra (sau bể khử trùng) của Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Thông số: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, BOD, COD, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>.

- Lắp đặt camera theo dõi: 02 camera (01 vị trí tại phòng lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục và 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải).

- Kết nối, truyền tín hiệu: Dữ liệu quan trắc được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi, giám sát.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Bố trí 01 hồ sự cố có thể tích 11.697,3 m<sup>3</sup> đảm bảo lưu giữ nước thải ít nhất trong 07 ngày trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải. Hồ sự cố được lót bạt HDPE dày 1mm đảm bảo chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra môi trường.

### 1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải tập trung tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải, ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố cho các hệ thống xử lý nước thải. Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị của các hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và kịp thời ứng phó sự cố.

- Vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã lắp đặt, thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố không thể vận hành hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, thực hiện bơm nước thải đầu vào hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn về lưu giữ tại hồ sự cố; thực hiện sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị (nếu cần thiết) hoặc điều chỉnh quy trình vận hành để sớm đưa hệ thống vào vận hành trở lại. Sau khi đã khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về hệ thống xử lý nước thải để xử lý lại theo quy định.

- Lắp đặt đường ống dẫn khí có van đo áp tại bể kỵ khí tiếp xúc nhằm quản lý tốt, tránh việc khí tích tụ quá nhiều trong bể xảy ra hiện tượng nổ công trình. Không lắp đặt đường ống dẫn khí đi qua những nơi có nguy cơ cháy nổ, thường xuyên kiểm tra hệ thống thu, dẫn khí, khi người thấy mùi hăng của khí có thể do đường ống hở, khi đó cần khoá van tổng để kiểm tra và tuyệt đối cấm lửa và khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

- Thời gian vận hành thử nghiệm là 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.600 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Vị trí lấy mẫu:

+ Mẫu nước thải sau hố tách phân (đầu vào).

+ Mẫu nước thải sau bể khử trùng ra mương quan trắc tự động (đầu ra).

+ Mẫu nước tại ngăn Selector (nước sử dụng tưới cây).

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm theo giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.3.4 và Mục 2.3.5 phần A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất: 15 ngày/lần, tối thiểu 05 lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp với 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu tổ hợp nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải).

+ Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra) trong ít nhất 07 ngày liên tiếp.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức các công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải 20 ngày.

3.5. Tiếp tục duy trì, thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu tại các giấy chứng nhận hợp quy đối với nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng theo đúng mục đích, đối tượng, phạm vi đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận. Việc sử dụng nước thải chăn nuôi sau xử lý (đã được hợp quy) để tưới cây trồng phải bảo đảm phù hợp với địa điểm, diện tích, loại cây trồng, số lượng cây trồng, mật độ cây trồng, thời kỳ phát triển của cây trồng, phương pháp tưới, lưu lượng tưới theo mùa (mùa mưa, mùa nắng), tần suất tưới và phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến môi trường đất, nguồn nước dưới đất.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải ra ngoài môi trường khi chưa được xử lý đạt chuẩn quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.8. Công ty TNHH Hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.4 và Mục 2.3.5 Phụ lục này và phải dừng ngay việc tưới tiêu cho cây trồng, xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

## PHỤ LỤC 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ hệ thống lò đốt xác bò chết và nhau thai bò (không thường xuyên).
- Nguồn số 02: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ các khu chuồng nuôi C, khu vực chuồng nuôi H, khu vực chuồng CL, khu vực tắm cho bò.
- Nguồn số 03: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ khu tách phân.
- Nguồn số 04: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 05: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ khu vực ủ chua thức ăn.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ máy phát điện.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

###### 2.1. Vị trí xả thải:

- Nguồn số 01: Tương ứng ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải của lò đốt xác bò chết và nhau thai bò (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ) như sau: X = 2156310 (m); Y = 564919 (m).
- Đối với các nguồn số 02, 03, 04, 05, 06 thì thoát tự nhiên, có kiểm soát bằng các biện pháp giảm thiểu phù hợp đảm bảo giá trị giới hạn.

###### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $5.500 \text{ m}^3/\text{h}$  (căn cứ theo công suất quạt hút thải).

###### 2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói cao khoảng 7,0m (xả thải không thường xuyên, chỉ khi vận hành lò đốt).

###### 2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý:

Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 30:2012/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên lục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	100	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	250		
3	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	250		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

#### 1.1. Mạng lưới thu gom, xử lý khí thải, mùi hôi phát sinh:

- Nguồn số 01: Khí thải, mùi hôi được thu gom, xử lý và xả ra môi trường qua ống khói cao 7,0m.

- Nguồn số 02: Khí thải, mùi hôi được giảm thiểu bằng các biện pháp: Chuồng trại được thiết kế thông thoáng có hệ thống thông gió hoặc làm mát bằng quạt; Vệ sinh khu vực chuồng nuôi thường xuyên không để phân và nước tiểu ứ đọng trong chuồng; Bổ sung chế phẩm vi sinh, cải tạo vật liệu lót chuồng với tần suất 1 ngày/lần.

- Nguồn số 03: Khí thải, mùi hôi được giảm thiểu bằng các biện pháp: Nhà chứa phân được xây dựng thông thoáng, có mái che, nền nhà đổ bê tông, xây tường bao xung quanh để tránh nước mưa chảy tràn; định kỳ rải vôi bột để hạn chế côn trùng xâm nhập với tần suất 01 lần/tuần. Sử dụng 3 thiết bị BRU 2000-Premium để xử lý phân (công suất xử lý 45-48 m<sup>3</sup> bã phân/1 thiết bị/ngày); Miệng hố thu phân, bể khây được che kín bằng tấm ngăn nhựa kết hợp phun chế phẩm sinh học để xử lý mùi hôi.

- Nguồn số 04: Khí thải, mùi hôi được giảm thiểu bằng các biện pháp: Trồng cây xanh cách ly xung quanh hệ thống xử lý nước thải; bổ sung các chế phẩm sinh học vào bể kỵ khí tiếp xúc để tăng cường quá trình phân giải các chất hữu cơ, quá trình hấp thụ và loại bỏ các chất gây mùi đặc biệt như khí H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub> và các hợp chất gây mùi hôi trong chất thải; Khí thải từ bể kỵ khí tiếp xúc được thu gom triệt để dẫn về hệ thống đốt khí biogas, đảm bảo hạn chế tối đa sự cố rò rỉ khí gas gây cháy nổ.

- Nguồn số 05: Khí thải, mùi hôi được giảm thiểu bằng các biện pháp: Các bể ủ được chia ngăn và xây nền, tường bằng bê tông. Nguyên liệu ủ chua được che phủ kín bằng bạt HDPE để hạn chế phát tán mùi, bổ sung các chế phẩm sinh học để tăng cường quá trình ủ chua và loại bỏ các chất gây mùi.

- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng (sử dụng nhiên liệu sử dụng là dầu diesel), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu diesel sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình xử lý khí thải từ lò đốt xác bò chết và nhau thai: Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống khói → Khí sạch ra môi trường

+ Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này).

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

#### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của lò đốt, hoạt động của máy phát điện để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra để ngăn chặn kịp thời sự cố vỡ đường ống dẫn nước thải, đảm bảo không rò rỉ, phát tán khí biogas ra môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và dự phòng các quạt hút, chế phẩm sinh học khử mùi hôi để phục vụ cho công tác xử lý mùi hôi phát sinh từ quá trình chăn nuôi.

- Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

- Thời gian vận hành thử nghiệm là 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Lò đốt xác bò chết và nhau thai.

- Vị trí lấy mẫu: Khí thải tại ống khói của hệ thống lò đốt xác bò chết.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Chất ô nhiễm chính: Lưu lượng, bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.

+ Giá trị giới hạn cho phép: QCVN 30:2012/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

#### **3.2. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường**

3.2.1. Vận hành thường xuyên và đúng quy trình các biện pháp xử lý khí thải chuồng nuôi, hệ thống xử lý khí thải của hệ thống lò đốt xác bò chết, nhau thai bò...

3.2.2. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch phòng ngừa, sự cố môi trường đối với khí thải tại trang trại theo nội dung đã nêu trong báo cáo đề xuất giấy phép môi trường của cơ sở.

3.2.3. Các sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi là hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật phải đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ và phương cách sử dụng theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Khí biogas từ bể kỵ khí tiếp xúc được thu gom và đốt bỏ bằng thiết bị đốt tự động. Khuyến khích áp dụng các biện pháp tận dụng khí biogas để phát điện.

3.5. Định kỳ sử dụng các chế phẩm sinh học để khử mùi tại các bể, các công đoạn của hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu vực ép phân; khu vực chứa phân và các chuồng nuôi.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Nguồn số 01: Tiếng ồn do hoạt động của máy bơm, máy nén khí, máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung .

1.2. Nguồn số 02: Tiếng ồn do hoạt động của máy phát điện dự phòng trạm điện.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°):

Trang trại chăn nuôi bò sữa tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá.

2.1. Vị trí tại nguồn số 01: Tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°: X= 2156583; Y= 565549 (m);

2.2. Vị trí tại nguồn số 02: Tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°: X= 2156572; Y= 565179 (m);

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực khu vực nhà điều hành, khu nhà nghỉ của công nhân.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng phát sinh (Kg/năm)</b>
1	Chất thải lây nhiễm(bao gồm cả chất thải sắc nhọn) từ thú y thải	13 02 01	2.550
2	Hóa chất thú y thải hoặc có các thành phần nguy hại	13 02 02	65
3	Nhiệt kế, huyết áp hồng, bị vỡ	13 03 02	5
4	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	50
5	Dầu thải	17 02 03	3.240
6	Đẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	977
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	100
8	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 02 02	428
9	Chất thải có dư lượng hóa chất trừ sâu và các loại gây hại(chuột, dán, muỗi...)	14 01 01	5
10	Chất thải có dư lượng hóa chất diệt cỏ	14 01 02	5
11	Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc hữu cơ halogen)	14 01 05	1120
12	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc hữu cơ halogen)	14 01 06	342

13	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	1.539
14	Bao bì cứng thải có thành phần khác (composit...)	18 01 04	200
15	Nước làm mát nhiễm dầu	19 10 01	136
16	Tuy ô thủy lực thải	15 01 09	127
17	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	18 01 02	542
18	Que hàn thải có lẫn các thành phần nguy hại	07 04 01	100
19	Bò chết do dịch	14 02 01	Khi có dịch bệnh
20	Gạch chịu lửa thải có thành phần nguy hại	19 11 03	65
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>11.596</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

<b>TT</b>	<b>Thành phần</b>	<b>Khối lượng (tấn/năm)</b>
1	Thức ăn rơi vãi	72
2	Nhau thai	15
2	Bò chết không do dịch, nhau thai	7
3	Tro từ lò đốt xác	1
4	Lông bò	0,2
5	Phân bò	75.956
6	Chất độn chuồng	4.800
7	Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung	128,5
8	Lượng bông băng, khăn vệ sinh vú bò	0,4

9	Bùn từ hệ thống xử lý nước cấp	4,7
<b>Tổng</b>		<b>80.985</b>

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	229
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>229</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích từ 60 - 120 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích 60 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng; chia thành các ngăn chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải. Khu vực để chất thải nguy hại sẽ được đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình thu gom, xử lý và lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- 04 bơm công suất 7,5 KW
- 02 máy khuấy công suất 15 KW
- 02 bơm xối xả công suất 50 KW
- 03 máy ép phân có công suất 2,0 m<sup>3</sup>/h.
- 01 máy ép bùn có công suất 300 kg/h.
- 03 hệ thống BRU công suất 48 m<sup>3</sup>/1 hệ thống/ngày.

### 2.2.2. Kho lưu chứa:

- Nhà kho chứa ép tách phân (phân sau thiết bị BRU) có diện tích 987 m<sup>2</sup>, cao 9,0m được bố trí cạnh bể lắng phân có chức năng tách, lưu chứa và ủ phân. Thiết kế cấu tạo: Nền bê tông tạo nhám; móng, dầm, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn.

- Khu vực nhà thiêu bò diện tích 180 m<sup>2</sup>. Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông cốt thép, vách bê tông cốt thép; khung kèo thép, mái lợp tôn.

- Kho chất thải rắn thông thường có diện tích 150 m<sup>2</sup>. Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 3m, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển cảnh báo.

2.2.3. Tại khu vực tập kết, chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và vệ sinh định kỳ

### 2.2.4. Chuyển giao và xử lý chất thải:

- Phần chất rắn hữu cơ (xơ, bã) sau thiết bị BRU một phần được sử dụng làm vật liệu nền chuồng cho bò; một phần được ủ phân hữu cơ với công nghệ ủ phân hiếu khí có đảo trộn, sử dụng để bón cây xanh trong khuôn viên trang trại và cánh đồng trồng cỏ, ngô hoặc có thể chuyển giao (bán) cho đơn vị khác.

- Việc sử dụng phân thải chuồng trại và bùn thải từ hệ thống biogas, bùn sinh học từ hệ thống xử lý nước thải làm phân bón phải tuân thủ quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Việc vận chuyển chất thải chăn nuôi phải tuân thủ quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng có nắp đậy 40 lít, 60 lít, 120 lít

2.3.2. Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 01 khu vực tập kết rác thải sinh hoạt diện tích 30 m<sup>2</sup>, rác thải được phân loại và lưu trong khu tập kết để chờ đưa đi xử lý.

2.3.3. Tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom và dọn vệ sinh định kỳ.

## 2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Bố trí khu chôn lấp xác bò chết do dịch bệnh gồm 03 khu, tổng diện tích 22.069,73 m<sup>2</sup> để phòng ngừa sự cố bò chết do số lượng lớn, lò đốt không đáp ứng khả năng xử lý. Áp dụng các biện pháp xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư

số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/05/2016, tuân thủ QCVN 01-41:2011/BNNPTNT và theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó ưu tiên tiêu hủy tại khu vực Cơ sở và đảm bảo quy định sau:

- Đảm bảo khoảng cách an toàn đến khu nhà ở công nhân, khu chuồng nuôi, khu văn phòng, khu vực khai thác nước sông, hồ, nước ngầm. Hồ chôn lấp được lót vật liệu chống thấm.

- Sau khi chôn lấp, bề mặt hồ và xung quanh khu vực chôn lấp phải được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán, đặt biển cảnh báo tại khu vực chôn lấp.

- Kịp thời thông báo cho cơ quan thú ý, chính quyền địa phương để phối hợp xử lý, giám sát quá trình tiêu hủy, xử lý bò chết do dịch bệnh đảm bảo quy định pháp luật.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật. Xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

**PHỤ LỤC 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Cơ sở Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại xã Yên Mỹ và xã Công Bình, huyện Nông Cống (giai đoạn 1: Chăn nuôi bò sữa quy mô 10.000 con; nhà máy chế biến sữa công suất 72 tấn sữa/ngày) của Công ty TNHH 2 TV Ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ đã hoàn thành, hạng mục, công trình phục vụ chăn nuôi và vắt sữa với quy mô chăn nuôi là 10.000 con bò sữa. Giai đoạn tiếp theo, Công ty phải tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn bộ cơ sở.

**1. Các hạng mục, công trình xây dựng của Cơ sở tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:**

Hoàn thiện giải phóng mặt bằng, thi công các hạng mục công trình theo điều 01 của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 0201014001 chứng nhận lần đầu ngày 15/9/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 01/9/2024 của Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN, tỉnh Thanh Hoá.

**2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ cơ sở tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:**

Công ty TNHH 2 TV Ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ có trách nhiệm:

- Thực hiện các biện pháp, thu gom, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với nước thải, chất thải rắn, bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng hoàn thiện hạng mục Nhà máy sữa và các công trình phụ trợ theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 03/5/2019.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Trang trại chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa (quy mô 10.000 con bò sữa). Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý tập trung đảm bảo yêu cầu theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, hệ số  $k_q = 0,9$ ;  $k_f = 0,9$  mới được xả ra môi trường.

- Tái sử dụng nước thải chăn nuôi để tưới cho cây trồng phải đảm bảo đáp ứng QCVN 01-195:2022/BNNT/PNT.

- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở đảm bảo dải cây xanh cách ly > 10 m, đặc biệt là hàng cây xanh phía giáp khu dân cư xung quanh trạm xử lý nước thải tập trung nhằm hạn chế mùi phát sinh từ công trình xử lý chất thải của cơ sở ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện nghiêm túc giải pháp xử lý mùi hôi chuồng trại đã được đầu tư xây dựng.

2. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy trình tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và chuồng trại làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

8. Đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh cho bò; trường hợp phát hiện bò ốm và nghi ốm nhưng chưa rõ bệnh, đưa bò về ô nuôi cách ly để điều trị. Trường hợp xảy ra dịch bệnh, đưa bò dịch bệnh vào chuồng nuôi bò cách ly để điều trị và tiêm phòng dịch bệnh cho toàn đàn bò; không bán bò ốm và nghi ốm do dịch; báo cáo nhanh với cơ quan chức năng tại địa phương để được phối hợp, xử lý kịp thời; thông báo rộng rãi bằng phương tiện thông tin đại chúng về nơi phát hiện dịch và bùng phát dịch bệnh; nghiêm cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ qua lại, ra vào nơi có dịch; làm rào chắn ngăn người và phương tiện từ ổ dịch đi ra; phun tiêu độc khử trùng các phương tiện ra vào trang trại theo đúng quy định.



9. Trường hợp dịch bệnh bùng phát trên diện rộng, bò chết nhiều, báo cáo ngay với chính quyền địa phương và các cơ quan có chức năng thực hiện các biện pháp phòng ngừa lây lan và tiêu hủy bò chết theo quy định tại: Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 19/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và tuân thủ QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.